

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-UBND

Vĩnh Linh, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của UBND huyện Vĩnh Linh;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH MTV Ngọc Tuấn Cửa Tùng tại Văn bản số 19/NT-MT ngày 19/7/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Tờ trình số 944/TTr-PTNMT ngày 26/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Ngọc Tuấn Cửa Tùng, địa chỉ tại Khu phố An Hòa 1, thị trấn Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nạo vét khẩn cấp luồng vào khu neo đậu tránh trú bão Cửa Tùng kết hợp thu hồi sản phẩm sau nạo vét làm vật liệu san lấp theo hình thức xã hội hóa”, tại thị trấn Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nạo vét khẩn cấp luồng vào khu neo đậu tránh trú bão Cửa Tùng kết hợp thu hồi sản phẩm sau nạo vét làm vật liệu san lấp theo hình thức xã hội hóa”.

1.2. Địa điểm hoạt động: thị trấn Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh số: 3200286802 ngày 18/04/2008 (lần đầu), ngày 17/02/2023 (lần 10).

1.4. Mã số thuế: 3200286802

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Nạo vét khẩn cấp luồng lạch và tận thu sản phẩm sau nạo vét

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Công trình nạo vét thuộc luồng lạch và khu nước trước Bến cá Cửa Tùng với tổng diện tích là 7,01 ha, vị trí thuộc thị trấn Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị nằm bên bờ tả cửa sông Bến Hải.

- Quy mô của dự án đầu tư: Tổng diện tích nạo vét: 7,01ha

- Tổng khối lượng: 104.294 m³.

- Chiều sâu nạo vét bình quân: 1,28m

- Cao trình nạo vét: -4.00m

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Ngọc Tuấn Cửa Tùng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan quản lý ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 06 tháng kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền chấp thuận nạo vét.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vĩnh Linh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Ngọc Tuấn Cửa Tùng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng: TN&MT; KT&HT; NN&PTNT;
- UBND thị trấn Cửa Tùng;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Anh Tuấn

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /UBND-GPMT ngày .../.../2024 của UBND huyện Vĩnh Linh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 1: Nước mưa chảy tràn qua bãi tập kết số 1, sau khi qua hố lắng, địa điểm: khu đất trước trạm Biên Phòng.
- Nguồn số 2: Nước mưa chảy tràn qua bãi tập kết số 2, sau khi qua hố lắng, địa điểm: khu đất thuộc Ban quản lý Cảng Cá Cửa Tùng.
- Nguồn số 3: Nước mưa chảy tràn qua bãi tập kết số 1, sau khi qua hố lắng, địa điểm: Khu đất tại bãi biển khu phố Hòa Lý Hải, thị trấn Cửa Tùng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải**

- Dòng thải số 01 (tương ứng nguồn số 01): Nước mưa chảy tràn qua hố lắng của bãi tập kết số 1, sau đó chảy ra sông Bến Hải theo hình thức tự chảy.
- Dòng thải số 02 (tương ứng nguồn số 02): Nước mưa chảy tràn qua hố lắng của bãi tập kết số 2, sau đó chảy ra sông Bến Hải theo hình thức tự chảy.
- Dòng thải số 03 (tương ứng nguồn số 03): Nước mưa chảy tràn qua hố lắng của bãi tập kết số 3, sau đó chảy ra biển theo hình thức tự chảy.

2.2. Vị trí xả thải

- Vị trí và tọa độ điểm xả nước thải:
 - Dòng thải số 01: sau hố lắng tại bãi tập kết số 1, Tọa độ vị trí xả nước thải: Y=590.888 X=1.882.097 (theo Hệ tọa độ VN2000, KT trục 106⁰15', múi chiếu 3⁰).
 - Dòng thải số 02: sau hố lắng tại bãi tập kết số 2, Tọa độ vị trí xả nước thải: Y=591.206 X=1.882.241 (theo Hệ tọa độ VN2000, KT trục 106⁰15', múi chiếu 3⁰).
 - Dòng thải số 03: sau hố lắng tại bãi tập kết số 3, Tọa độ vị trí xả nước thải: Y=591.385 X=1.883.850 (theo Hệ tọa độ VN2000, KT trục 106⁰15', múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Dòng thải số 01: có lưu lượng xả tối đa $Q_1=76,5m^3$.
- Dòng thải số 02: có lưu lượng xả tối đa $Q_2=306m^3$.
- Dòng thải số 03: có lưu lượng xả tối đa $Q_3=180,5m^3$.

2.3.1. *Phương thức xả nước thải: tự chảy.*

2.3.2. *Chế độ xả nước thải: xả liên tục (24 giờ).*

2.3.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:*

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

- Dòng thải số 01, 02, 03: Nước mưa chảy tràn qua bãi tập kết trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn về nước thải công nghiệp (Giá trị C_{max} , cột B, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$) và cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (Giá trị C_{max} , cột B, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$)
1	pH	-	5,5-9
2	SS	mg/l	90
3	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9

Ghi chú:

Giá trị $C_{max} = C \times K_q \times K_f$. Trong đó:

- C_{max} là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải;

- C là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp quy định tại QCVN 40:2011/BTNMT;

- K_q là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.3 trong QCVN 40:2011/BTNMT. Nguồn tiếp nhận nước thải không có số liệu về lưu lượng dòng chảy của nơi tiếp nhận nên áp dụng $K_q=0,9$;

- K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.4 trong QCVN 40:2011/BTNMT. Tổng lưu lượng xả thải lớn nhất: $306 m^3/ng.đ$.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

* *Đối với nước thải sinh hoạt:* thuê nhà dân gần khu vực nạo vét có bề tự hoại 3 ngăn để xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân.

** Đối với nước thải tại khu vực nạo vét:*

- Để giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến môi trường nước của sông trong giai đoạn nạo vét, Chủ dự án sẽ hạn chế tối đa việc rò rỉ dầu mỡ từ các phương tiện, máy móc thi công bằng cách che đậy khi có mưa.

- Việc thi công diễn ra trong mùa khô và trước mùa mưa bão, do đó việc nạo vét được tính toán sao cho giảm thiểu lượng chất thải rắn lơ lửng bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm cục bộ nước mặt khu Dự án.

- Thực hiện việc thay thế dầu nhờn, dầu máy, sửa chữa máy móc, phương tiện tại các gara sửa chữa để không làm phát sinh dầu mỡ thải trên công trường.

- Đối với sự cố rò rỉ dầu mỡ từ máy móc thiết bị, áp dụng các biện pháp:

+ Trang bị đầy đủ các phương tiện sẵn sàng ứng phó với sự cố tràn dầu như: phao vây, phao thấm, đường ống thu dầu,...

+ Phương tiện thủy tham gia thi công có đủ năng lực ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định tại Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

+ Bố trí gờ vây gom dầu cho két chứa, máy, thiết bị, khu vực bảo dưỡng... có sử dụng/phát sinh dầu trên mặt boong phương tiện;

+ Phương tiện nạo vét và vận chuyển được cơ quan Đăng kiểm đánh giá, cấp phép hoạt động, có đủ cơ sở vật chất, kỹ thuật và có kế hoạch ngăn ngừa, giảm thiểu nguy cơ tràn dầu và chủ động ứng phó với sự cố tràn dầu nếu xảy ra đối với phương tiện;

+ Bố trí thiết bị phao chắn dầu tại vị trí khu vực bãi tập kết, trong trường hợp gặp sự cố hay phát sinh dầu trên mặt nước do quá trình nạo vét của dự án sẽ tiến hành lắp đặt phao chắn dầu để không ảnh hưởng đến chất lượng môi trường khu vực;

+ Khi xảy ra sự cố tràn dầu: Chủ dự án phải huy động mọi nguồn lực tự ứng phó và bảo vệ môi trường. Chủ động ngăn chặn nguồn dầu tràn để hạn chế dầu tràn ra môi trường;

+ Trường hợp sự cố tràn dầu vượt quá khả năng tự ứng phó của mình, Chủ dự án phải liên hệ với cơ quan chức năng tại địa phương để phối hợp ứng phó và khắc phục sự cố tràn dầu hiệu quả; giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường và các hệ sinh thái.

** Đối với khu vực bãi tập kết*

- Sắp xếp các bao tải chứa cát mịn xung quanh khu vực bãi tập kết tạm, các bao tải chồng lên nhau thành nhiều ngăn, đáy của các ngăn này sẽ được thiết kế có hướng nghiêng ra phía bờ sông. Phía bên ngoài lớp bao tải này sẽ bố trí hệ thống rãnh thu gom nước theo chiều ngang của bãi tập kết, rãnh có kết cấu bằng đất, cát kích thước $D \times R \times C = (150 \times 0,3 \times 0,5)m$. Qua đó, sau khi hỗn hợp nước cát được máy bơm bơm vào các hộc chứa thì nước sẽ tự động ngấm qua lớp cát sỏi, tiếp đến là lớp bao tải có kích thước $D \times R \times C = (50 \times 0,4 \times 1)m$ và được thu vào

rãnh thu gom sau đó đầu nối vào hệ thống hố lắng 02 ngăn kích thước (3×2×1,2)m trước khi đổ ra môi trường.

- Định kỳ khoảng 10 ngày, công nhân phải kiểm tra hệ thống rãnh thoát nước và các hố lắng để nạo vét nhằm đảm bảo nước thải được lưu thông và lắng cặn trước khi thoát ra môi trường

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt của CBCNV được xử lý như sau: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng (02 ngăn) → thấm vào môi trường đất.

1.2.2. Nước mưa chảy tràn qua bãi tập kết

Nước mưa chảy tràn → Rãnh thoát nước (DxRxC = (150×0,3×0,5)m) → Hố lắng 02 ngăn kích thước (3×2×1,2)m → Chảy ra môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng lưu lượng xả nước thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP, căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Do đặc thù của Dự án là Dự án nạo vét luồng vào khu neo đậu tránh trú bão. Các tác động gây ô nhiễm chủ yếu là các nguồn phân tán. Do đó, dự án không có các công trình phải tiến hành lập kế hoạch vận hành thử nghiệm

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, nước thải đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Hoàn thiện và vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo hiệu quả, lâu dài.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /UBND-GPMT ngày .../.../2024 của UBND huyện Vĩnh Linh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Khí thải phát sinh từ các máy móc thi công, vận chuyển trong quá trình nạo vét của Dự án.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

Do tính chất đặc thù của dự án là nạo vét luồng vào của tàu thuyền, do đó nguồn và lưu lượng phát sinh khí thải phân tán, không cố định, phụ thuộc vào nhiều yếu tố như thời gian làm việc, lượng máy móc, thiết bị được vận hành tại từng thời điểm thời điểm nên không tính toán được lưu lượng xả thải của dòng khí chứa bụi.

Chất lượng khí thải trước khi xả môi trường tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và 02:2019/BYT: QCKTQG về Bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc - Giá trị so sánh bụi vô cơ và hữu cơ không có quy định khác đối với Giá trị giới hạn tiếp xúc tối đa cho phép bụi không chứa silic tại nơi làm việc; đối với khu vực xung quanh thì áp dụng QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	
			Khu vực làm việc QCVN 02:2019/BYT (Trung bình 8 h)	Khu vực xung quanh QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 h)
1	Bụi	mg/m ³	8	0,3

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn khí thải phân tán, không có các công trình thu gom và xử lý mà chỉ áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường

1.2. Các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải

- Tưới nước tại bãi tập kết vật liệu và tuyến đường trong quá trình vận chuyển sản phẩm tận thu ra khỏi dự án tại những đoạn trọng yếu gây ô nhiễm do

bụi tùy thuộc thời tiết sẽ điều chỉnh tần suất tưới nước cho phù hợp, tối thiểu 2 lần/ngày và tăng lên vào những thời điểm thời tiết khô nóng.

- Không đổ sản phẩm nạo vét tại bãi tập kết cao quá 4m (đối với vị trí bãi tập kết số 1 và số 3), không cao quá 3m (đối với vị trí bãi tập kết số 2). Trong trường hợp sản phẩm nạo vét đạt chiều cao mà vẫn chưa được đưa đi tiêu thụ thì Chủ dự án phải tạm ngừng nạo vét nhằm giảm thiểu được hiện tượng bụi, cát bay vào khu vực xung quanh.

- Xe vận chuyển phải có bạt che kín và không chở quá tải để tránh rơi vãi vật liệu xuống đường. Xe khi chạy vào gần khu dân cư phải giảm tốc độ, không phóng nhanh vượt ẩu.

- Đối với công nhân lao động tại hiện trường được trang bị đúng và đủ thiết bị bảo hộ lao động để chống ồn và bụi như kính mắt, khẩu trang, găng tay, nút bịt tai, áo phao... để đảm bảo sức khỏe lao động.

- Tổ chức đội thu gom cát, sạn rơi vãi trên các tuyến đường vận chuyển, đảm bảo thu dọn ngay khi làm rơi vãi, tránh nguy cơ gây tai nạn, mất mỹ quan và phát sinh bụi.

- Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng xe tải, máy móc. Xe vận chuyển phải đạt tiêu chuẩn về luật giao thông đường bộ.

- Lập kế hoạch thi công và vận chuyển hợp lý, kiểm soát vận tốc và khoảng cách giữa các xe. Vận tốc tối đa khi đi vào khu dân cư vận tốc tối đa là 20 km/h, khoảng cách giữa các xe tối thiểu là 200 m.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Quản lý và xử lý bụi, khí thải trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 02:2019/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc).

2.2. Thực hiện chương trình quan trắc môi trường theo nội dung của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường; định kỳ báo cáo kết quả quan trắc về Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /UBND-GPMT ngày .../.../2024
của UBND huyện Vĩnh Linh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

Nguồn phát sinh: Phát sinh từ hoạt động của máy móc, phương tiện thi công, vận chuyển trong khu vực dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Vị trí phát sinh: Khu vực nạo vét

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, cụ thể như sau:

Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn:

TT	Khu vực	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)
1	Khu vực thông thường bên ngoài dự án	70	55
2	Bên trong khuôn viên khu vực thi công	115	115

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Không vận chuyển vào buổi trưa và buổi tối để không ảnh hưởng đến thời gian nghỉ ngơi của người dân;

- Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, kiểm tra sự cân bằng của máy móc, thiết bị trước khi vận hành, vận hành đúng công suất thiết kế, đúng tải trọng quy định;

- Trang thiết bị chống ồn cho công nhân làm việc tại các vị trí có mức ồn lớn như nút bịt tai, bông gòn bịt tai...;

- Điều chỉnh số lượng máy móc sử dụng một cách luân phiên cho hợp lý để hạn chế sự cộng hưởng tiếng ồn, như không bố trí máy hút cát sạn cùng lúc với máy xúc, máy ủi...

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /UBND-GPMT ngày .../.../2024
của UBND huyện Vĩnh Linh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh chủ yếu là dầu nhớt thải, dề lau nhiễm dầu, trong quá trình bảo dưỡng phương tiện, máy móc. Tuy nhiên, máy móc phương tiện được bảo trì bảo dưỡng tại các garage ở địa bàn nên phát tán ở hiện trường là không đáng kể. Ước tính lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án khoảng 50kg.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

- Thành phần: vỏ đồ hộp, các chất hữu cơ, bao bì nilon, chai nhựa...
- Khối lượng: 10 kg/ngày.

1.3. Chất thải rắn thông thường phát sinh:

Do đặc thù của việc tận dụng sản phẩm sau nạo vét làm vật liệu san lấp nên tất cả các sản phẩm nạo vét đều được tận thu. Quá trình hoạt động của dự án không phát sinh chất thải rắn sản xuất.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Để giảm thiểu phát sinh chất thải này, hoạt động sửa chữa máy móc thiết bị, thay dầu nhớt đều được thực hiện tại các Gara dịch vụ. Trong trường hợp phát sinh ở khu vực dự án do máy móc, phương tiện nạo vét, vận chuyển bị hư hỏng đột xuất thì phải hạn chế tối thiểu việc rơi vãi xuống sông, những loại CTNH phát sinh sẽ thu gom tập trung trong thùng chứa chuyên dụng loại 120L lưu giữ tại Công ty TNHH MTV Ngọc Tuấn Cửa Tùng (Chủ dự án); hợp đồng với đơn vị có năng lực vận chuyển đưa đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường và chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí 02 thùng đựng rác sinh hoạt loại 60L tại khu vực thi công thùng kín đáy không rò rỉ, rác được thu gom thường xuyên và hợp đồng với Đội thu gom rác của thị trấn thu gom đưa đi xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Để hạn chế và tránh gây hiện tượng xói mòn sạt lở bờ trong quá trình nạo

vét, Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Giới hạn hành lang an toàn đối với cầu, cống theo qui định tại Nghị định số 11/2010/NĐ – CP ngày 24/2/2014 về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ. Giới hạn khi thi công phải bảo đảm hành lang an toàn đối với cầu ngoài đô thị Cầu Cửa Tùng: Tàu hút cát nằm ở phạm vi cách cầu theo chiều ngang tính từ mép lan can cầu ra mỗi bên 150m.

- Thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 23/02/2020 của Chính phủ Quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông.

- Trước khi tiến hành khai thác sẽ khoanh vùng ranh giới phạm vi khai thác, đảm bảo trong quá trình khai thác không làm biến đổi dòng chảy, không gây sạt lở bờ sông, không ảnh hưởng tới các công trình giao thông, cầu đường trong phạm vi Dự án.

- Chỉ nạo vét trong phạm vi khu vực luồng vào khu neo đậu tránh trú bão Cửa Tùng theo phương án đã phê duyệt tại Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND huyện Vĩnh Linh.

- Không nạo vét tập trung vào một điểm nhằm tránh trường hợp tạo ra các vực, các hố sâu gây ra sạt lở cục bộ, dưới tác dụng của dòng chảy có thể kéo theo sạt lở trên diện rộng.

- Trong thời gian nạo vét, nếu phát hiện có nguy cơ sạt lở trong khu vực nạo vét, Chủ dự án phải dừng công tác nạo vét và kịp thời khắc phục gia cố tránh sự cố xảy ra.

- Thực hiện cấm biển cảnh báo nguy hiểm tại khu vực có khả năng sạt lở, sụt lún và tại các khu vực nạo vét.

- Thực hiện quan trắc, giám sát chất lượng môi trường định kỳ theo quy định.

C. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Quan trắc chất lượng môi trường nước

- Số lượng, vị trí quan trắc: 02 điểm

- + Vị trí 01: Cách cầu Cửa Tùng khoảng 500m về phía thượng lưu

- + Vị trí 02: Cách cầu Cửa Tùng khoảng 500m về phía hạ lưu

- Thông số giám sát: pH, TSS, Dầu mỡ khoáng (03 thông số).

- Tần suất giám sát: 02 lần/6 tháng.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08-MT:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

2. Quan trắc chất lượng môi trường không khí.

- Số lượng, vị trí quan trắc: 04 điểm
- + Vị trí 01: tại bãi tập kết số 1.
- + Vị trí 02: tại bãi tập kết số 2.
- + Vị trí 03: tại bãi tập kết số 3.
- + Vị trí 04: tại tuyến đường vận chuyển vật liệu (ngã 3 đường vào cảng và đường ven biển).
- Thông số giám sát: Độ ồn, độ bụi, CO, NOx.
- Tần suất quan trắc: 02 lần/06 tháng (trong thời gian thi công).
- Tiêu chuẩn, Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

3. Thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình nạo vét hoặc theo yêu cầu khác của quy định pháp luật.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số .../UBND-GPMT ngày .../.../2024
của UBND huyện Vĩnh Linh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải lập phương án cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo đúng quy định.
2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và CTNH theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Kho lưu giữ CTNH phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, CTNH cho đơn vị có chức năng theo quy định (trừ các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường có ký hiệu TT-R theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT);
3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy;
4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;
5. Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động nạo vét và vận chuyển sản phẩm thu hồi: Thực hiện đầy đủ các biện pháp theo Phần B Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này;
6. Nghiêm túc tuân thủ thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung được đề xuất;
7. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật;
8. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

